

RUSSIN & VECCHI

INTERNATIONAL LEGAL COUNSELLORS

BANGKOK
MOSCOW
NEW YORK
SANTO DOMINGO

HANOI CENTRAL OFFICE BUILDING, 11/F
44B LY THUONG KIET ST, HANOI
TEL: (84-4) 3825-1700
FAX: (84-4) 3825-1742
E-MAIL: LAWYERS@RUSSINVECCHI.COM.VN

TAIPEI
VLADIVOSTOK
WASHINGTON, DC
YUZHNO-SAKHALINSK

OSC-VTP BUILDING, 15/F
8 NGUYEN HUE BLVD, HO CHI MINH CITY
TEL: (84-8) 3824-3026
FAX: (84-8) 3824-3113
E-MAIL: LAWYERS@RUSSINVECCHI.COM.VN

Ngày : Ngày 06 tháng 01 năm 2016
Gửi : Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Cộng đồng LIN
Đồng gửi: info@linvn.org
Sesto E. Vecchi
Từ : Chu Bảo Khánh
Tiêu đề: Thành lập tổ chức hợp pháp để tiến hành hoạt động từ thiện tại Việt Nam

Kính gửi Trung tâm LIN:

Bản ghi nhớ này trình bày về điều kiện và thủ tục thành lập một tổ chức, phi lợi nhuận và có mục tiêu lợi nhuận, để thực hiện các hoạt động từ thiện ở Việt Nam.

Một số mô hình mà tổ chức phi lợi nhuận có thể được thành lập với mục đích từ thiện là:

- Cơ sở bảo trợ xã hội (“**CSBCTXH**”);
- Quỹ từ thiện (“**Quỹ**”);
- Tổ chức phi chính phủ quốc tế (“**TCPCP**”);
- Hội;
- Tổ chức khoa học và công nghệ (“**TCKHCN**”); và
- Các nhóm tình nguyện.

Những tổ chức này khác nhau về thủ tục thành lập, mục đích hoạt động, chức năng, và cách quản lý. Ví dụ, sự khác biệt cơ bản giữa một CSBCTXH và quỹ là CSBCTXH hỗ trợ trực tiếp người dân trong những hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên Quỹ chỉ hỗ trợ tài chính trong những trường hợp như vậy. Một tổ chức TCPCP nước ngoài có thể thực hiện các hoạt động tại Việt Nam sau khi được cấp phép. Mục đích chính của các hoạt động của một TCPCP là để hỗ trợ phát triển và cung cấp viện trợ nhân đạo.

Bên cạnh các tổ chức phi lợi nhuận, luật cũng công nhận một hình thức tổ chức từ thiện khác, đó là doanh nghiệp xã hội. Một doanh nghiệp xã hội là một doanh nghiệp với cam kết phi lợi nhuận nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường.

A. TỔ CHỨC TỪ THIÊN PHI LỢI NHUẬN

I. Cơ sở bảo trợ xã hội (CSBTXH)

Mục đích của CSBTXH là hỗ trợ những cá nhân đang gặp khó khăn trong xã hội, chẳng hạn như trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, trẻ bị nhiễm HIV/AIDS, người già neo đơn, người khuyết tật nặng, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn người, nạn nhân bị cưỡng bức lao động. Có rất nhiều nhóm đối tượng khác nhau có thể nhận được sự hỗ trợ từ các CSBTXH.

CSBTXH có thể do nhà nước, một hoặc nhiều tổ chức, hoặc cá nhân thành lập. Một tổ chức nước ngoài hoặc cá nhân có thể thành lập và điều hành một CSBTXH tại Việt Nam. Nhà nước Việt Nam khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập CSBTXH tại Việt Nam. Cục Bảo Trợ Xã Hội quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội và thuộc Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội (“BLĐTBXH”).

Việc thành lập, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ được quy định bởi:

- Nghị định 68/2008/ND-CP của chính phủ ban hành ngày 30 tháng 5 năm 2008 về Điều kiện, Thủ tục thành lập, Tổ chức, Hoạt động và Giải thể CSBTXH (“**Nghị định 68**”);
- Nghị định 81/2012/ND-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2008/ND-CP ban hành ngày 30 tháng 5 năm 2008, về Điều kiện, Thủ tục thành lập, Tổ chức, Hoạt động và Giải thể CSBTXH (“**Nghị định 81**”); và
- Thông tư 07/2009/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 30 tháng ba năm 2009 của Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội thực hiện Nghị Định 68 (“**Thông tư 07**”).

1. Điều kiện thành lập CSBTXH

CSBTXH phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Trung bình diện tích đất cho mỗi người hưởng lợi là 30 mét vuông ở khu vực nông thôn và 10 mét vuông ở khu vực đô thị;
- Trung bình diện tích nhà ở là sáu mét vuông cho mỗi người hưởng lợi. Đối với những người hưởng lợi cần được chăm sóc toàn thời gian, diện tích ở trung bình phải là tám mét vuông;
- CSBTXH chăm sóc cho 25 người hoặc nhiều hơn thì phải có một khu vực sinh hoạt, nhà bếp, văn phòng làm việc cho nhân viên, khu vực thư giãn và vui chơi giải trí, cung cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống điện, và đường nội bộ;
- CSBTXH chăm sóc khoảng 10 đến 25 người phải đảm bảo những điều kiện cơ bản liên quan đến chỗ ở, nhà bếp, văn phòng cho nhân viên, điện và nước; và
- Có đủ số nhân viên để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về số người tối đa mà một nhân viên của CSBTXH có thể chăm sóc.

2. Thủ tục thành lập CSBTEXH

Tùy thuộc vào nội dung hoạt động giấy phép thành lập CSBTEXH phải được cấp bởi một trong các cơ quan có thẩm quyền sau đây:

- Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Cấp Tỉnh cấp giấy phép thành lập cho CSBTEXH hoạt động trong địa bàn của tỉnh. Đơn xin cấp giấy phép phải nộp tại Sở Lao Động, Thương Binh, và Xã Hội (“**SLĐTBXH**”); hoặc
- Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Cấp Quận/Huyện cấp giấy phép thành lập cho CSBTEXH chỉ hoạt động trong khu vực cụ thể của quận/huyện. Đơn xin cấp giấy phép phải được nộp tại Phòng Lao Động, Thương Binh, và Xã Hội.

Hồ sơ xin thành lập CSBTEXH nên bao gồm những tài liệu sau:

- Đơn xin thành lập CSBTEXH;
- Kế hoạch thành lập CSBTEXH, bao gồm: mục tiêu và nhiệm vụ, kế hoạch thành lập và hoạt động, mô tả người thụ hưởng, thông tin căn bản liên quan đến giám đốc, cơ cấu của tổ chức (nhân viên, biên chế), văn phòng (vị trí, thiết kế) và trang thiết bị và phương tiện cần thiết, và kế hoạch tài trợ. Kế hoạch không phải làm theo mẫu. Trên thực tế, kế hoạch này có thể là một văn bản trình bày các tin quan trọng và có tài liệu cần thiết đính kèm.
- Những quy tắc hoạt động của CSBTEXH. Quy tắc nên bao gồm: trách nhiệm của ban giám đốc và các phòng ban khác, trách nhiệm của cán bộ chủ chốt, trách nhiệm và lợi ích của người thụ hưởng, tài sản và cơ chế quản lý tài chính, và những vấn đề quản lý khác. Tài liệu này có thể hiểu như là điều lệ hoặc quy tắc điều hành nội bộ.
- Các tài liệu liên quan đến quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở hoặc tài sản khác gắn liền với đất nơi mà CSBTEXH sẽ đặt trụ sở hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng dụng đất.
- Thư xác nhận của Ủy Ban Nhân Dân Xã/Phường nơi đặt trụ sở của CSBTEXH. Trong thư Ủy Ban Nhân Dân Xã/Phường xác nhận sự đồng ý đối với địa điểm đặt trụ sở hoạt động của CSBTEXH; và
- Sơ yếu lí lịch của giám đốc CSBTEXH. Sơ yếu lí lịch phải được xác nhận bởi Ủy Ban Nhân Dân Phường nơi cư trú.

Thời hạn để cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ xin thành lập CSBTEXH là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, và thời hạn để ban hành Quyết định thành lập là 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định. Tuy nhiên, thời gian thực tế có thể sẽ lâu hơn thời hạn theo luật định.

II. Quỹ Xã Hội/Quỹ Từ Thiện (Quỹ)¹

Quỹ là một đơn vị độc lập có con dấu, tài khoản ngân hàng, và biểu tượng riêng. Mục đích của Quỹ là phát triển và hỗ trợ các hoạt động khác nhau, ví dụ như văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện và các hoạt động nhân đạo. Một Quỹ có thể thực hiện nhiều chương trình và dự án khác nhau và Quỹ hoạt động theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Quỹ thành lập và hoạt động không vì lợi nhuận;
- Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của mình;
- Quỹ hoạt động theo điều lệ được công nhận bởi cơ quan cấp giấy phép;
- Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai và minh bạch về tài chính; và
- Không phân chia tài sản của quỹ trong quá trình quỹ đang hoạt động.

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ được quy định bởi:

- Nghị Định 30/2012/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2012 về Tổ Chức, Hoạt Động của Quỹ Xã Hội, Quỹ Từ Thiện (“**Nghị Định 30**”);

1. Điều kiện để thành lập Quỹ

Thành viên sáng lập Quỹ có thể là cá nhân/tổ chức người Việt Nam hoặc người nước ngoài. Cụ thể như sau:

- Công dân Việt Nam có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không có án tích;
- Tổ chức Việt nam có (i) điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; (ii) nghị quyết của Ban lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành lập quỹ; và (iii) quyết định cử người đại diện của tổ chức tham gia tư cách sáng lập viên thành lập quỹ; hoặc
- Cá nhân, tổ chức nước ngoài. Lưu ý rằng một cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài không thể tự mình thành lập quỹ. Tuy nhiên, những đối tượng này có thể thành lập quỹ bằng việc góp tài sản với một hoặc nhiều cá nhân, tổ chức Việt Nam.

Các thành viên sáng lập phải cam kết góp tài sản, tài chính ở một mức cụ thể. Theo Nghị định 30, Quỹ do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập phải có tài sản với giá trị tối thiểu như sau:

¹Nghị Định 30 định nghĩa Quỹ Xã Hội và Quỹ Từ Thiện, gọi chung là “Quỹ”, như sau:

- “Quỹ xã hội” là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích chính nhằm hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận; và
- “Quỹ từ thiện” là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích chính nhằm hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn cần sự trợ giúp của xã hội, không vì mục đích lợi nhuận..

- Quỹ hoạt động trong phạm vi xã/phường : 20 triệu đồng;
- Quỹ hoạt động trong quận/huyện : 100 triệu đồng;
- Quỹ hoạt động trong tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương : 1 tỷ đồng; và
- Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc : 5 tỷ đồng.

Quỹ do công dân, tổ chức nước ngoài thành lập phải có tài sản với giá trị tối thiểu như sau:

- Quỹ hoạt động trong phạm vi xã/phường : 500 triệu đồng;
- Quỹ hoạt động trong quận/huyện : 1 tỷ đồng;
- Quỹ hoạt động trong tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương : 3 tỷ đồng; và
- Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc : 7 tỷ đồng.

Số tiền dự kiến chuyển vào tài sản của quỹ phải tối thiểu bằng 50% tổng giá trị tài sản quy đổi. Tài sản đóng góp thành lập quỹ phải được chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn 45 (*bốn mươi lăm*) ngày làm việc kể từ ngày quỹ được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ.

2. Thủ tục thành lập Quỹ

Đối với Quỹ hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam hoặc ít nhất tại hai tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc Quỹ cấp tỉnh nhận đóng góp từ cá nhân/tổ chức nước ngoài hợp tác với cá nhân/tổ chức Việt Nam, thành viên sáng lập phải được sự chấp thuận của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ. Đối với những Quỹ khác, các thành viên sáng lập phải được sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh.

Hồ sơ thành lập Quỹ phải bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn đề nghị thành lập Quỹ;
- Dự thảo Điều lệ Quỹ, trong đó phải có những nội dung bắt buộc (vd: Tên gọi, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website (*nếu có*) của quỹ; Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của quỹ; Thông tin về sáng lập viên của quỹ; Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của quỹ; Nguyên tắc tổ chức, hoạt động; cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý quỹ, Ban Kiểm soát, Chủ tịch, Giám đốc và các chức vụ lãnh đạo khác; Nguyên tắc vận động quyên góp; vận động, tiếp nhận tài trợ và thực hiện tài trợ; Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của quỹ; Trách nhiệm báo cáo về tổ chức, hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ đối với cơ quan có thẩm quyền; Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại trong nội bộ quỹ và xử lý vi phạm trong hoạt động của quỹ; Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên và giải thể quỹ; Thẻ thức sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ; và Các nội dung khác phù hợp quy định của pháp luật.)
- Tài liệu chứng minh tài sản đóng góp để thành lập quỹ; và
- Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên ban sáng lập quỹ.

Nếu Quỹ được thành lập theo di chúc hoặc được một tổ chức ủy quyền, hồ sơ phải đính kèm bản sao công chứng của di chúc hoặc bản sao công chứng giấy xác nhận ủy quyền.

Cơ quan thẩm quyền xem xét và cấp Giấy phép Thành lập cho Quỹ trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn. Tương tự như trường hợp của CSBTXH, thời gian trên thực tế có thể sẽ dài hơn.

Sau khi nhận được Giấy phép Thành lập, Quỹ có thể bắt đầu hoạt động sau khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có thư xác nhận của ngân hàng nơi Quỹ mở tài khoản, xác nhận quỹ được đóng góp bởi các thành viên sáng lập và quyền sở hữu những tài sản khác đã được chuyển giao cho quỹ; và Công bố thành lập trên ba số báo liên tiếp.

Hoạt động của Quỹ phải tuân thủ các yêu cầu quản lý được quy định trong Nghị Định 30. Ví dụ, Quỹ phải có Hội đồng Quản lý Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ. Chủ Tịch của Hội đồng Quản lý quỹ phải là công dân Việt Nam và sẽ là đại diện pháp nhân của Quỹ.

III. Tổ Chức Phi Chính Phủ Quốc Tế (TCPCP)

TCPCP là một tổ chức phi chính phủ quốc tế được thành lập ở nước ngoài. Ban Điều Phối Viện Trợ Nhân Dân (**PACCOM**) là cơ quan cấp giấy phép và quản lý các TCPCP. PACCOM có cán bộ phụ trách các TCPCP theo từng vùng địa lý khác nhau, ví dụ Châu Âu, Bắc Mỹ, và khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Trụ sở chính của PACCOM đặt tại Hà Nội và có chi nhánh tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Một TCPCP có thể hoạt động dưới một trong ba giấy phép sau: (1) Giấy đăng ký hoạt động; (2) Giấy đăng ký lập Văn Phòng Dự Án; hoặc (3) Giấy đăng ký lập Văn phòng Đại diện. Giấy đăng ký hoạt động là bước đầu tiên cần có nếu một TCPCP muốn thành lập Văn phòng Dự án hoặc Văn phòng Đại diện.

Việc thành lập và hoạt động của các TCPCP được quy định tại Nghị định Chính phủ số 12/2012/NĐ-CP ban hành ngày 1-3-2012 về Đăng ký và Quản lý Hoạt động của TCPCP tại Việt Nam.

1. Giấy Phép Hoạt Động

Để được cấp Giấy đăng ký hoạt động, TCPCP phải có: (i) tư cách pháp nhân theo pháp luật của nước mà tại đó TCPCP được thành lập; (ii) có điều lệ, tôn chỉ mục đích hoạt động rõ ràng; và (iii) đã có hoặc dự kiến có các chương trình, dự án phát triển, nhân đạo tại Việt Nam.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động;
- Điều lệ của TCPCP (bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự); và

- Văn bản chứng nhận tư cách pháp nhân của TCPCP (ví dụ Chứng chỉ Thành lập) hoặc bản sao có công chứng.

2. Văn Phòng Dự Án

Để thành lập Văn Phòng Dự Án, TCPCP phải có Giấy đăng ký hoạt động và phải có dự án và/hoặc chương trình đã được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Phạm vi và tính chất của dự án hoặc chương trình phải thường xuyên được quản lý và giám sát.

Hồ sơ xin thành lập Văn phòng Dự án bao gồm:

- Đơn đề nghị thành lập, ngoài những nội dung cơ bản, phải cung cấp lý do thành lập Văn phòng Dự án; nơi dự kiến đặt văn phòng dự án, và số nhân viên nước ngoài và Việt Nam của Văn phòng Dự án;
- Bản chính Giấy đăng ký hoạt động;
- Văn bản chứng nhận tư cách pháp nhân của TCPCP (ví dụ Chứng chỉ Thành Lập);
- Lý lịch của Người dự kiến làm trưởng Văn phòng Dự án; và
- Văn bản chương trình/dự án đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

3. Văn Phòng Đại Diện

Để thành lập Văn phòng Đại diện, TCPCP phải: (i) có Giấy đăng ký hoạt động; (ii) có cam kết hoạt động dài hạn thông qua các dự án và/hoặc các chương trình đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt; và (iii) đã thực hiện chương trình và/hoặc dự án hiệu quả tại Việt Nam trong ít nhất hai năm. Đáng chú ý là Văn phòng Đại diện chỉ được đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng hoặc thành phố Hồ Chí Minh.

Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Đại diện bao gồm:

- Đơn đề nghị thành lập, ngoài những nội dung cơ bản, phải giải thích lý do thành lập Văn phòng Đại diện và số lượng nhân viên nước ngoài và Việt Nam tại Văn phòng Đại diện;
- Bản chính Giấy đăng ký hoạt động hoặc bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng Dự án;
- Văn bản về dự án/chương trình tại Việt Nam và bản chính/sao y bản chính văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam về dự án/chương trình đó;
- Bản báo cáo hoạt động của TCPCP tại Việt Nam trong ít nhất 2 năm trước đó; và
- Tiểu sử và Lý lịch tư pháp của người dự kiến làm Trưởng Văn phòng đại diện và Giấy giới thiệu làm đại diện tại Việt Nam của người đứng đầu.

Thời hạn cho PACCOM để xem xét và quyết định cấp Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, hoặc Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện là 45 ngày làm việc. Trên thực tế, có thể sẽ mất nhiều thời gian hơn vì PACCOM phải xem xét các hoạt

động của TCPCP và tham khảo ý kiến từ cơ quan có thẩm quyền tại tỉnh thành nơi đặt văn phòng hoặc nơi thực hiện dự án/chương trình.

Thời hạn của Giấy đăng ký oạt động là 03 (ba) năm kể từ ngày cấp. Thời hạn của Giấy đăng ký lập Văn phòng Dự án hoặc Giấy đăng ký lập Văn phòng Đại diện là 05 (năm) năm kể từ ngày cấp.

IV. Hội

Hội là một tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, có cùng sở thích, hoặc có chung mục đích tập hợp. Hội hoạt động để bảo vệ và thúc đẩy quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên và cộng đồng. Các thành viên của hội hỗ trợ lẫn nhau. Hội có thể tồn tại vì nhiều lý do khác nhau, ví dụ bảo vệ động vật/môi trường, hoạt động văn hóa, hoạt động giáo dục, hoạt động chuyên môn, hoặc hoạt động thể dục thể thao. Hội có thể gây quỹ từ phí tham gia của các hội viên và các khoản thu từ việc kinh doanh và dịch vụ. Hội cũng được cho phép nhận tài trợ từ các cá nhân/tổ chức trong và ngoài nước.

Thành lập, hoạt động và quản lý Hội được quy định bởi Nghị Định của Chính Phủ số 45/2010/NĐ-CP ban hành ngày 21 tháng 4 năm 2010 (“**Nghị Định 45**”) và Nghị định 33/2012/ND-CP ban hành ngày 13 tháng 4 năm 2012 (“**Nghị định 33**”) sửa đổi Nghị định 45.

Theo Nghị Định 45, Hội là một tổ chức độc lập. Thành viên là cá nhân hoặc tổ chức Việt Nam, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nghị Định 45 không đề cập đến cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài. Như vậy, các tổ chức/cá nhân nước ngoài không được phép tham gia thành lập Hội tại Việt Nam. Trên thực tế, có nhiều Hội khác nhau được thành lập hoặc có sự tham gia bởi các cá nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam. Có khả năng những nhóm này không được đăng ký dưới hình thức Hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị Định 45.

1. Điều kiện thành lập Hội

Hội phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có mục đích hoạt động hợp pháp, không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với các hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn lãnh thổ.
- Có điều lệ hoạt động;
- Có trụ sở chính; và
- Số lượng công dân và tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia và thành lập Hội đáp ứng các yêu cầu cụ thể được quy định tại Nghị Định 45. Ví dụ, một Hội có phạm vi hoạt động trong cả nước phải có ít nhất là 100 hội viên tại nhiều tỉnh, và một Hội có phạm vi hoạt động trong một tỉnh phải có ít nhất 50 hội viên đang cư trú trong tỉnh.

2. Thủ tục thành lập Hội

Trước khi thành lập Hội, thành viên sáng lập phải xây dựng một ban vận động cho việc thành lập Hội (“**Ban Vận Động**”). Ban này sẽ: (i) huy động cá nhân/tổ chức tham gia vào Hội, và (ii) chuẩn bị hồ sơ xin phép thành lập Hội.

Hồ sơ xin phép thành lập Hội bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn xin phép thành lập Hội;
- Dự thảo điều lệ Hội;
- Dự kiến phương hướng hoạt động;
- Danh sách thành viên trong Ban Vận Động;
- Lý lịch tư pháp của người đứng đầu Ban Vận Động;
- Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của Hội; và
- Bản kê khai tài sản (nếu có) mà các thành viên sáng lập đã tình nguyện đóng góp cho Hội.

Cơ quan thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy phép cho Hội là:

- Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh cấp giấy phép cho hội hoạt động trong tỉnh; và/hoặc
- Bộ trưởng Bộ Nội Vụ cấp giấy phép cho Hội hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam hoặc ít nhất trong hai tỉnh.

Thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp giấy phép thành lập Hội là 30 ngày.

Ban Vận Động phải tổ chức một cuộc họp để thành lập Hội trong vòng 90 ngày từ ngày được cấp giấy phép. Nếu cuộc họp không được triệu tập trong vòng 15 ngày sau thời hạn 90 ngày này, Ban Vận Động phải có yêu cầu gia hạn thời gian đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày, nếu quá thời gian được gia hạn mà không tổ chức đại hội thì quyết định cho phép thành lập hội sẽ mất hiệu lực. Biên bản báo cáo và Điều lệ (đã được thông qua tại cuộc họp Ban Vận Động) phải được gửi đến cơ quan cấp phép để xét duyệt trong vòng 30 ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp Ban Vận Động.

V. Tổ Chức Khoa Học và Kỹ Thuật (TCKHCN)

Theo Luật Khoa học và Công nghệ, cá nhân hoặc tổ chức đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu có thể thành lập TCKHCN. Bên cạnh TCKHCN thành lập bởi các cá nhân, tổ chức ở trong nước thì TCKHCN cũng có thể được thành lập bởi các cá nhân hay tổ chức nước ngoài. Tuy nhiên, hiện không có hướng dẫn cho cá nhân hay tổ chức nước ngoài tham gia thành lập TCKHCN tại Việt Nam. Các cá nhân/tổ chức nước ngoài có thể được phép làm thành viên sáng lập của một TCKHCN nhưng lại không được phép làm thành viên thường trực.

Việc thành lập và hoạt động của TCKHCN được quy định trong các văn bản sau:

- Luật Khoa học và Công nghệ;
- Nghị Định số 08/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 27 tháng 1 năm 2014 hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ (“**Nghị định 08**”); và
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký TCKHCN (“**Thông tư 03**”).

Có nhiều cách khác nhau để phân loại TCKHCN. Dựa vào cơ cấu sở hữu, TCKHCN được phân loại thành TCKHCN công lập, TCKHCN ngoài công lập, và TCKHCN có vốn nước ngoài. Cho mục đích của bản ghi nhớ này, chúng tôi chỉ đề cập đến TCKHCN ngoài công lập và TCKHCN có vốn nước ngoài, hay TCKHCN tư nhân.

1. Điều kiện để thành lập TCKHCN tư nhân

TCKHCN tư nhân phải đáp ứng các điều kiện chung sau đây:

- Mục tiêu, hoạt động và điều lệ của TCKHCN phải tuân theo pháp luật và tuân theo kế hoạch phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam; và
- Có đầy đủ nhân lực khoa học và công nghệ có năng lực phù hợp để hỗ trợ việc thực thi các mục tiêu, hoạt động và điều lệ.
 - (i) TCKHCN phải có ít nhất 05 (năm) nhân viên có trình độ đại học trở lên. Ít nhất 30% trong số họ phải có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực của TCKHCN, và ít nhất 40% trong số họ phải làm việc chính thức. Trường hợp thành lập TCKHCN để phát triển ngành khoa học và công nghệ mới thì phải có ít nhất 01 (một) nhân viên làm việc chính thức có trình độ đại học trở lên thuộc ngành chuyên môn đăng ký hoạt động. Nếu TCKHCN là một Viện nghiên cứu, thì người đứng đầu TCKHCN đó phải có bằng Tiến sĩ hoặc cao hơn. Người đứng đầu TCKHCN phải có trình độ đại học trở lên, năng lực chuyên môn phù hợp, và phải làm việc chính thức.
 - (ii) Có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng trụ sở, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, máy móc thiết bị, tài sản trí tuệ, các phương tiện vật chất - kỹ thuật khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của TCKHCN. Vốn điều lệ đăng kí (bằng hình thức tiền mặt hoặc tài sản) có thể được quyết định bởi các thành viên sáng lập, nhưng vốn này phải bảo đảm đủ để ít nhất hỗ trợ tổ chức hoạt động được trong năm đầu tiên dựa trên cơ cấu nhân sự và phạm vi hoạt động. Ít nhất 10% vốn điều lệ của TCKHCN có vốn đầu tư nước ngoài phải thuộc sở hữu của các đối tác nước ngoài.

2. Thủ tục thành lập TCKHCN

Đơn xin thành lập TCKHCN tư nhân phải bao gồm các thủ tục sau:

- Đơn đề nghị cho phép thành lập theo mẫu quy định;
- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của các thành viên sáng lập nước ngoài (vd, giấy phép thành lập, chứng nhận thành lập...);
- Lý lịch tư pháp của người đứng đầu TCKHCN có vốn nước ngoài;

- Dự thảo điều lệ theo mẫu quy định;
- Đề án thành lập, bao gồm phần thuyết minh lý do thành lập TCKHCN; tính phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế-xã hội và KHCN của Việt Nam; quy mô đầu tư; dự kiến về nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; phân tích tài chính (nếu có).
- Các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện kể trên;
- Văn bản của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi TCKHCN đặt trụ sở chính chấp thuận về địa điểm đặt trụ sở của TCKHCN;;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương trong năm tài chính gần nhất của tổ chức, cá nhân nước ngoài;; và
- Báo cáo nghiên cứu khả thi nếu dự án thành lập TCKHCN gắn với việc đầu tư xây dựng /công trình

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cho TCKHCN có vốn nước ngoài là Bộ Khoa học và Công nghệ, và TCKHCN ngoài công lập trong nước là Sở Khoa học và Công nghệ. Thời hạn cho cơ quan cấp phép để xem xét và cấp Giấy phép TCKHCN là 45 ngày.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thành lập, TCKHCN tư nhân phải đăng ký hoạt động với Bộ Khoa học và Công nghệ. Đơn đăng ký hoạt động của TCKHCN tư nhân phải bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn đăng ký hoạt động theo mẫu;
- Quyết định thành lập TCKHCN;
- Điều lệ được thực hiện theo mẫu;
- Thư bổ nhiệm, sơ yếu lý lịch, lý lịch khoa học được thực hiện theo mẫu, văn bằng và đơn xin việc được thực hiện theo mẫu của người đứng đầu TCKHCN;
- Danh sách nhân sự của TCKHCN được thực hiện theo mẫu. Nếu TCKHCN không được thành lập bởi một cơ quan nhà nước, các văn bản bổ sung sau đây được yêu cầu: Sơ yếu lý lịch của nhân viên, văn bằng và đơn xin việc được thực hiện theo mẫu;
- Công chứng bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mặt bằng nơi đặt trụ sở chính của TCKHCN, và/hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bên cho thuê (theo đó bên cho thuê được cấp phép cho thuê mặt bằng) và/hoặc hợp đồng thuê trụ sở chính của TCKHCN; và
- Danh sách các thiết bị /cơ sở vật chất kỹ thuật được thực hiện theo mẫu. Nếu TCKHCN không được thành lập bởi một cơ quan nhà nước, các văn bản bổ sung sau đây được yêu cầu: cam kết góp vốn, biên bản họp của các thành viên sáng lập trong đó xác định được giá trị và tỷ lệ góp vốn, và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với phần vốn đã cam kết góp.

Các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đăng ký hoạt động của TCKHCN tư nhân hoặc là Bộ Khoa học và Công nghệ, hoặc là Sở Khoa học và Công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép đăng ký hoạt động đối với TCKHCN có vốn nước ngoài. Sở Khoa học và Công nghệ cấp phép đăng ký hoạt động đối với TCKHCN ngoài công lập trong nước.

Thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp giấy phép cho TCKHCN là 65 ngày làm việc.

VI. Nhóm Tình nguyện

Chúng tôi không thấy bất cứ quy định cụ thể nào kiểm soát việc thành lập, hoạt động và gây quỹ của nhóm tình nguyện. Điều 90.5 của Luật về Tổ chức Hội Đồng Nhân dân - Ủy Ban Nhân Dân quy định rằng Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn các hoạt động xã hội và từ thiện trong tỉnh. Một vài tỉnh thành, ví dụ như Thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, tỉnh Yên Bái, đã ban hành hướng dẫn cho một số loại hoạt động tình nguyện. Một nhóm tình nguyện có thể liên hệ với Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh để được hướng dẫn chi tiết.

Không có quy định cụ thể nào đề cập đến việc nhóm tình nguyện có thể gây quỹ để thực hiện các hoạt động cứu trợ xã hội. Trong thực tế, một tổ chức sẽ đứng ra kêu gọi và tập hợp đóng góp từ các thành viên và sau đó trực tiếp trao lại cho những người có hoàn cảnh khó khăn hoặc chuyển đến một tổ chức khác được phép huy động, nhận, và phân phối tài trợ.

VI. Những hoạt động khác

1. Bảo Tàng

Hầu hết các viện bảo tàng được thành lập bởi Nhà nước. Theo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi ngày 18 tháng 6 năm 2009), một cá nhân hoặc tổ chức ngoài công lập có thể thành lập bảo tàng tư nhân. Tuy nhiên, Luật Di sản văn hoá và các văn bản hướng dẫn hoàn toàn không đề cập về việc bảo tàng có thể được thành lập bởi một cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài hay không. Quyết định 156/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 6 năm 2005 phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam năm 2020 cũng không đề cập về khả năng này. Việc không đề cập này nhiều khả năng cho thấy rằng điều này là chưa được phép. Tuy nhiên, cá nhân /tổ chức nước ngoài được khuyến khích để góp phần vào sự phát triển của hệ thống bảo tàng bằng cách tài trợ hoặc đóng góp quà tặng.

Việc thành lập và hoạt động của bảo tàng được mô tả trong các quy định sau đây:

- Luật Di sản văn hóa (sửa đổi ngày 18 tháng 6 năm 2009);
- Nghị định 98/2010 / NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 thi hành Luật Di sản văn hoá ("**Nghị định 98**");
- Nghị định 01/2012 / NĐ-CP ngày 4 tháng 1 năm 2012 về việc sửa đổi Nghị định 98 ("**Nghị định 01**"); và
- Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức và hoạt động của bảo tàng ("**Thông tư 18**").

a. Điều kiện để thành lập bảo tàng tư nhân

Bảo tàng tư nhân phải đáp ứng các điều kiện chung sau đây:

- Có sưu tập theo một hoặc nhiều chủ đề;
- Có nơi trưng bày, kho và phương tiện bảo quản; và
- Có chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp.

b. Thủ tục để thành lập bảo tàng tư nhân

Trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng tư nhân, phải nộp hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động, bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn đề nghị được thực hiện theo mẫu; và
- Đề án hoạt động của bảo tàng được thực hiện theo mẫu.

Cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản xác nhận đủ điều kiện hoạt động bảo tàng là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thời hạn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp văn bản xác nhận là 15 ngày làm việc.

Hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động bảo tàng tư nhân phải bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn đề nghị được thực hiện theo mẫu; và
- Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp phép hoạt động bảo tàng.

Cơ quan cấp phép hoạt động cho bảo tàng tư nhân là Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn cho UBND tỉnh xem xét và cấp giấy phép hoạt động của bảo tàng tư nhân là 15 ngày làm việc.

2. “Triển lãm” tại Việt Nam

Triển lãm có thể được tổ chức tại Việt Nam hay nước ngoài bởi nhà nước, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. Để tổ chức một triển lãm, cần có giấy phép của Bộ Văn Hóa, Thể Thao, và Du Lịch hoặc UBND thành phố/tỉnh. Thủ tục để xin giấy phép được quy định tại Nghị Định số 113/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2013 về Hoạt động mỹ thuật.

B. DOANH NGHIỆP XÃ HỘI (DNXH)

Luật Doanh nghiệp đã được sửa đổi vào năm 2014 và hiện nay cung cấp một khung pháp lý cho các doanh nghiệp xã hội. Nói chung, một doanh nghiệp xã hội được xem như là một doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

- Mục tiêu hoạt động không vì lợi nhuận, mà là để giải quyết các vấn đề xã hội (tức là, để tiến hành các hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo, từ thiện, v.v...)

- và các vấn đề môi trường, và các mục tiêu này phải được duy trì trong suốt quá trình hoạt động của DNXH; và
- DNXH phải tái đầu tư ít nhất 51% lợi nhuận của mình nhằm thực hiện các mục tiêu về môi trường/xã hội như đã đăng ký trong suốt quá trình hoạt động của DNXH.

Các doanh nghiệp xã hội được thành lập theo cấu trúc tương tự như doanh nghiệp có lợi nhuận, tức là, công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, và doanh nghiệp tư nhân. Vì vậy, các doanh nghiệp xã hội được đối xử giống như các doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận trong các quy định về cấp phép, cơ cấu tổ chức, và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các doanh nghiệp xã hội được tiếp nhận tài trợ, viện trợ và đầu tư từ các cá nhân, các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ của Việt Nam và nước ngoài để bù đắp chi phí hoạt động và quản lý của mình. Luật Doanh nghiệp cũng quy định cam kết của Chính phủ trong việc khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp xã hội, và tạo thuận lợi và hỗ trợ trong việc cấp giấy phép/chứng chỉ/chứng nhận sau khi thành lập. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể cho cam kết này.

Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các doanh nghiệp xã hội. Việc thành lập, hoạt động và quản lý của các doanh nghiệp xã hội được quy định bởi Luật Doanh nghiệp và Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp ("**Nghị định 96**").

1. Điều kiện để thành lập doanh nghiệp xã hội

Doanh nghiệp xã hội phải đáp ứng các điều kiện chung như các doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận.

- Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp không bị pháp luật cấm;
- Tên của doanh nghiệp phải tuân theo quy định của pháp luật, tức là không được trùng hoặc tương tự với tên của doanh nghiệp đã đăng ký;
- Cơ cấu tổ chức, ví dụ, loại hình doanh nghiệp, phải phù hợp với quy định của pháp luật;
- Phải có trụ sở chính;
- Phải có đủ vốn điều lệ: Luật Doanh nghiệp không quy định một yêu cầu chung về vốn điều lệ của doanh nghiệp, cũng như không đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định về vốn pháp định để kinh doanh ngành nghề có điều kiện trước khi thành lập nếu doanh nghiệp đó là một doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện. Tuy nhiên, các cơ quan cấp phép vẫn có thể yêu cầu doanh nghiệp phải góp một mức vốn điều lệ nhất định, phù hợp với phạm vi hoạt động và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của doanh nghiệp; và
- Các thành viên sáng lập đáp ứng đủ điều kiện để thành lập doanh nghiệp (ví dụ, các thành viên không được là cơ quan nhà nước hoặc không được là công chức nhà nước, người chưa thành niên, hoặc người bị kết án).

2. Thủ tục thành lập doanh nghiệp xã hội

Thủ tục để thành lập doanh nghiệp xã hội cũng tương tự như thủ tục thành lập doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, hồ sơ đăng ký có thể khác nhau tùy vào từng loại hình doanh nghiệp. Nói chung, hồ sơ phải bao gồm các tài liệu sau:

- Đơn đề nghị được thực hiện theo mẫu;
- Điều lệ tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Giấy phép thành lập, giấy chứng nhận thành lập công ty, giấy tờ tùy thân, hoặc tài liệu tương đương của các thành viên sáng lập hoặc của người đại diện có thẩm quyền của các thành viên sáng lập; và
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp giấy phép là 03 (ba) ngày làm việc.

Để được cơ quan có thẩm quyền công nhận là một doanh nghiệp xã hội và theo đó có quyền được nhận tài trợ, viện trợ, hoặc các quyền lợi khác theo luật định, doanh nghiệp phải thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội/môi trường cho cơ quan cấp phép khi xin thành lập hoặc trong quá trình hoạt động của mình, bao gồm các nội dung sau:

- Mục tiêu xã hội/môi trường, phương thức thực hiện, và thời hạn thực hiện;
- Tỷ lệ % lợi nhuận giữ lại hàng năm được tái đầu tư để thực hiện mục tiêu môi trường/xã hội đã đăng ký;
- Nguyên tắc và phương pháp sử dụng các khoản tài trợ và viện trợ; và
- Thông tin về các thành viên sáng lập của doanh nghiệp.

Ngoài các thông tin ban đầu như trên, một doanh nghiệp xã hội có thể được thành lập bằng cách chuyển đổi từ một CSBTEXH hoặc Quỹ. Một CSBTEXH hoặc một Quỹ được phép chuyển thành một doanh nghiệp xã hội, nhưng việc chuyển đổi phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập. Ngoài yêu cầu này, các thủ tục cấp phép liên quan đến việc chuyển đổi cũng giống như các thủ tục để thành lập một doanh nghiệp xã hội mới. Một doanh nghiệp xã hội, sau khi chuyển đổi, sẽ đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm cho tất cả các nghĩa vụ (bao gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác) của CSBTEXH hoặc Quỹ trước kia.

* * *

Trên đây là một số loại hình tổ chức khác nhau mà cá nhân hoặc tổ chức có thể xem xét để thực hiện các hoạt động phi lợi nhuận ở Việt Nam. Những tổ chức này được quản lý bởi các cơ quan chức năng khác nhau và có quy chế thành lập và quản lý khác nhau.